

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày 13-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu,

Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào –Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc L - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trịnh Văn D, sinh năm 1982; tại T; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc X và bà Phạm Thị L; vợ: Thiều Thị D; có 02 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/9/2019; có mặt.

- Bị hại:

Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà Tạ Thị C, sinh năm 1919 (là mẹ đẻ); Nơi cư trú: Thôn 7, xã Đ, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

Bà Trần Thị N, sinh năm 1968 (là vợ); Nơi cư trú: Thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1990 (là con); Nơi cư trú: Thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (là con); Nơi cư trú: Thôn Trúc Động, xã Lưu Kiếm, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Người đại diện hợp pháp bị hại:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Hòa Bình, huyện T, thành phố H; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hoàng Huy L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 8, xã Thiệu Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh T; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Vũ Văn T; vắng mặt.

Anh Hoàng Văn T; vắng mặt.

Anh Hoàng Huy L; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/7/2019, tại Km 14 + 700 trên Quốc lộ 10 địa phận thôn 6, xã Đ, huyện T, thành phố H xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe ô tô biển kiểm soát 36B - 026.87 do Trịnh Văn D điều khiển theo hướng cầu Giá đi cầu Kiên đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 15G1 - 470.45 đi phía trước cùng chiều do ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1958, trú tại Thôn 7, xã K, huyện T, H điều khiển. Hậu quả ông B tử vong tại chỗ, xe mô tô hư hỏng nhẹ.

T hành khám nghiệm tử thi, Cơ quan điều tra thu thập các dấu vết tập trung ở vùng đầu, mặt, phần phía trên cơ thể: Vùng đầu mặt biến dạng vỡ phức tạp, xương hộp sọ và xương hàm mặt thoát hầu hết tổ C não ra ngoài. Vùng cổ bên trái có vết thương rách da (kích thước 06cm x 01cm); vùng cổ trái trước vai trái có vết xây xước da bầm tím (kích thước 20cm x 20cm), kiểm tra thấy gãy xương cột sống cổ. Vùng sau vai phải có vết xây xước da bầm tím (kích thước 13cm x 9cm); Vùng mặt sau khuỷu tay trái có vết xây xước da (kích thước 04cm x 02cm); Vùng mặt trước gối trái có vết xây xước da hướng từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài (kích thước 03cm x 03cm).

Theo bản Kết luận giám định pháp y số 146/2019/TT ngày 30/7/2019 của Trung tâm pháp y H kết luận: Nguyên nhân chết của ông Nguyễn Ngọc B do đa chấn thương: Chấn thương sọ não và chấn thương cột sống cổ nặng.

T hành khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra thu thập các dấu vết: Hiện trường được khám nghiệm theo hướng cầu Giá đi cầu K, cột mốc là HB/14 lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm. Mặt đường rộng 11m, trải nhựa phẳng, đoạn đường cong, đường có vạch kẻ S đứt quãng phân chia chiều đường. Trên mặt đường có 01 vết cày xước dài 15,1m từ rõ đến mờ, điểm đầu cách mép đường 02m, điểm cuối vết xước nằm dưới xe mô tô biển kiểm soát 15G1- 470.45 đổ nghiêng trái trên mặt đường và cách mép đường phải 0,6m. Tử thi nằm úp mặt trên mặt đường, đầu nạn nhân quay ngược hướng khám nghiệm và cách mép đường phải 2,3m; gót chân bên trái nạn nhân cách mép đường phải 02m, đầu nạn nhân cách điểm đầu vết cày xước mặt đường 7,2m. Xe mô tô biển kiểm soát 15G1- 470.45 đổ nghiêng trái

trên mặt đường, đầu xe quay hướng về lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm, trục bánh xe trước nằm sát mép đường phải, trục bánh xe sau cách mép đường phải 1,3m. Trên mặt đường có một vết phanh xe do một phương tiện gây vết dài 14,1m, rộng 0,45m. Điểm đầu vết phanh cách mép đường phải theo hướng khám nghiệm 2,1m và cách trục bánh xe sau xe mô tô biển kiểm soát 15G1- 470.45 đổ nghiêng trái trên mặt đường là 13,8m, điểm cuối vết phanh cách mép đường phải 1,9m. Xe ô tô biển kiểm soát 36B - 026.87 đổ trên mặt đường; đầu xe quay theo hướng đi cầu Trinh Xá, trục bánh xe sau bên phải cách mép đường phải là 0,8m; cách điểm cuối vết phanh xe trên mặt đường 17,4m; trục bánh xe trước bên phải cách mép đường phải là 0,7m.

T hành khám nghiệm các phương tiện tham gia giao thông gây tai nạn, Cơ quan điều tra thu thập các dấu vết:

- Xe ô tô biển kiểm soát 36B - 026.87, các dấu vết tập trung phía bên phải xe ô tô: Mặt ngoài cửa cửa xe bên phải, phía trước có vết mài xước, lõm kim loại, bong tróc S, theo chiều từ trước về sau (kích thước 40cm x 02cm), điểm thấp nhất cách mặt đất 91cm. Mặt ngoài thân xe bên phải vị trí gần bánh xe trước có vết mài xước, lõm kim loại, bong tróc S theo chiều từ trước về sau dài 35cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 91cm, điểm đầu vết mài xước cách điểm cuối vết mài xước cánh cửa xe bên phải phía trước 70cm. Mặt ngoài thân xe, vị trí cốp để đồ bên phải có vết mài xước, bong tróc S theo chiều từ trước về sau (kích thước 35cm x 03cm), điểm thấp nhất cách mặt đất 67cm. Mặt ngoài thân xe bên phải vị trí gần bánh xe phía sau bên phải có đám tạp chất dạng dịch (kích thước 3,5cm x 0,1cm), điểm thấp nhất cách mặt đất 44cm. Mặt trong phía sau chấn bùm bánh xe phía sau bên phải có đám tạp chất màu nâu đỏ (kích thước 50cm x 50 cm).

- Xe mô tô biển kiểm soát 15G1- 470.45, có các dấu vết xây xước nhẹ phía bên trái: Mặt ngoài gương chiếu hậu bên trái có vết mài xước nhựa theo chiều từ trước về sau (kích thước 12cm x 06cm). Đầu tay phanh bên trái có vết mài xước kim loại theo chiều từ trước về sau, trên bám dính loại tạp chất lạ màu đỏ dạng S (kích thước 01cm x 0,5cm), điểm thấp nhất cách mặt đất 89 cm. Đầu tay lái xe bên trái có vết mài xước nhựa theo chiều từ trước về sau, trên bám dính loại tạp chất lạ màu đỏ dạng S (kích thước 01cm x 0,5cm), điểm thấp nhất cách mặt đất 91cm. Toàn bộ mặt ngoài yếm xe bên trái có vết mài xước nhựa theo chiều từ trước về sau (kích thước 40cm x 30cm). Ốp nhựa mặt ngoài bàn để chân phía trước bên trái có vết mài xước nhựa theo chiều từ trước về sau (kích thước 27cm x 03cm). Mặt ngoài bàn để chân phía sau bên trái có vết mài xước kim loại theo chiều từ trước về sau (kích thước 8cm x 0,5cm). Cạnh ngoài chân chống giữa bên trái có vết mài xước kim loại theo chiều từ trước về sau (kích thước 2,5cm x 0,5cm). Cạnh ngoài tay dắt sau bên trái có vết mài xước kim loại theo chiều từ trước về sau, trên bám dính tạp chất lạ màu đỏ dạng S (kích thước 08cm x 0,5cm), điểm thấp nhất cách mặt đất 80 cm.

Tại bản Kết luận giám định số 4231 ngày 02/8/2019 của Viện khoa học hình sự kết luận cơ chế va chạm giữa các phương tiện: Dấu vết trượt xước, mất S màu đỏ ở mặt ngoài phía trước bên phải đầu xe ô tô biển kiểm soát 36B-026.87 có chiều từ trước về sau, phù hợp với dấu vết trượt xước, bám dính chất màu đỏ (dạng S) ở mặt

ngoài phía sau đầu tay phanh bên trái xe mô tô biển kiểm soát 15G1-470.45; dấu vết va chạm ở xe mô tô tại vị trí này có chiều từ sau về trước. Dấu vết trượt xước, mất S màu đỏ ở mặt ngoài phía trước bên phải đầu xe ô tô biển kiểm soát 36B-026.87 có chiều từ trước về sau, phù hợp với dấu vết trượt xước, bám dính chất màu đỏ (dạng S) ở mặt ngoài đầu tay lái bên trái xe mô tô biển kiểm soát 15G1-470.45; dấu vết va chạm ở xe mô tô tại vị trí này có chiều từ sau về trước. Dấu vết trượt xước, mất S màu đỏ ở mặt ngoài bên phải thân xe ô tô biển kiểm soát 36B-026.87 có chiều từ trước về sau, phù hợp với dấu vết trượt xước, bám dính chất màu đỏ (dạng S) ở mặt ngoài bên trái tay nâng sau xe mô tô biển kiểm soát 15G1-470.45; dấu vết va chạm ở xe mô tô tại vị trí này có chiều từ sau về trước.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Văn D khai nhận: D có giấy phép lái xe ô tô hạng E, còn thời hạn sử dụng. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/7/2019, D điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 36B - 026.87 đi trên Quốc lộ 10 theo hướng cầu Giá đi cầu Kiền. D điều khiển xe đi đúng phần đường, quan sát phía trước cùng chiều có nhiều xe, cách đầu xe ô tô của D khoảng 05m có 01 xe mô tô biển kiểm soát 15G1 - 470.45 do ông Nguyễn Ngọc B điều khiển với tốc độ khoảng 40 km/giờ. D bấm còi xin vượt xe, đồng thời điều khiển xe ô tô tăng tốc độ Ln khoảng 60 km/giờ để vượt. Khi xe ô tô của D vượt qua xe mô tô của ông B thì D va chạm tại sườn bên phải của xe ô tô. Nhìn qua gương chiếu hậu, D thấy tai nạn xảy ra.

Tại Cơ quan điều tra, những người có mặt tại hiện trường chứng kiến vụ tai nạn giao thông xảy ra gồm: anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1992 và anh Hoàng Văn T, sinh năm 1978 đều trú tại thôn 4, xã C, huyện T, H; anh Hoàng Huy L, sinh năm: 1984, trú tại thôn 9, xã Thiệu Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh T khai phù hợp với lời khai của D như nội D nêu trên. Thời điểm xảy ra tai nạn, anh Đ và anh T điều khiển xe mô tô đi phía trước ngược chiều với xe ô tô của D. Anh L là phụ xe ô tô của D. Cả ba anh đều chứng kiến ông B điều khiển xe mô tô đi ở phần đường phía trong, sát mép đường bên phải theo hướng di chuyển với tốc độ khoảng 40 km/giờ. Sau đó, chiếc xe ô tô khách di chuyển để vượt Ln trước chiếc xe mô tô thì xảy ra tai nạn.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên đã truy tố Trịnh Văn D về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội D bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa, song đã có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông B 200.000.000 đồng. Gia đình ông B không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D.

- Người có quyền L nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Huy L vắng mặt tại phiên tòa, song đã có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Anh L là chủ nhà xe Hoàng Quân và là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô khách BKS 36B - 026.87, anh là thành viên của Hợp tác xã vận tải Tấn Thành, hành trình của xe ô tô khách là hoạt động tuyến đường từ T đi Quảng Ninh. Do quen biết D và biết bị cáo D có Giấy phép lái

xe hạng E còn thời hạn sử dụng, nên tháng 3/2019 (âm lịch) anh và Trịnh Văn D có thỏa thuận miệng với nhau về việc thuê D lái xe ô tô khách BKS 36B - 026.87, lương hai bên thỏa thuận 9.000.000đ/tháng. Sau khi thỏa thuận anh L giao xe ô tô khách BKS 36B - 026.87 cho D điều khiển đến ngày 16/7/2019 khi đang điều khiển xe đi trên Quốc lộ 10 theo hướng cầu Giá đi cầu Kiền thì xảy ra va chạm với 01 xe mô tô biển kiểm soát 15G1 - 470.45 do ông Nguyễn Ngọc B hậu quả làm ông B chết. Sau khi gây tai nạn bị cáo D đã cùng anh đến gặp gỡ gia đình ông B và thực hiện đầy đủ việc bồi thường thiệt hại cho gia đình ông B, gia đình ông B không có ý kiến gì và đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo D, xe ô tô khách BKS 36B - 026.87 đã được cơ quan công an huyện T trả lại cho anh (là chủ xe) sử dụng, nay anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Người làm chứng anh Vũ Văn T, anh Hoàng Văn T và anh Hoàng Huy L đều vắng mặt tại phiên tòa, song đã có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và người có quyền L nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố Trịnh Văn D tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử phạt bị cáo Trịnh Văn D từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về dân sự đã được giải quyết xong trong giai đoạn điều tra, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đề nghị gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này; Về vật chứng của vụ án: đã được giải quyết xong nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và người T hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp lời khai tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại, lời khai người làm chứng và người có quyền L nghĩa vụ liên quan; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện và Bản kết luận giám định pháp y số 146/2019/TT ngày

30 tháng 7 năm 2019 của Trung tâm pháp y H và Bản kết luận giám định số 4231, ngày 02/8/2019 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Trịnh Văn D có Giấy phép lái xe hạng E còn thời hạn sử dụng, do bị cáo và anh Hoàng Huy L chủ nhà xe Hoàng Quân và là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô khách BKS 36B - 026.87 có mối quan hệ quen biết, nên tháng 3/2019 (âm lịch) bị cáo và anh Hoàng Huy L có thỏa thuận miệng với nhau về việc thuê bị cáo lái xe ô tô khách BKS 36B - 026.87 tuyến đường từ T đi Quảng Ninh, mức lương hai bên thỏa thuận 9.000.000đ/tháng. Sau khi thỏa thuận anh L giao xe ô tô khách BKS 36B - 026.87 cho D điều khiển, đến khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 7 năm 2019 D điều khiển xe ô tô BKS 36B - 026.87 theo hướng từ Quảng Ninh về đến km14 + 700, trên quốc lộ 10, thuộc địa phận thôn 6, xã Đ, huyện T, thành phố H. Do bị cáo điều khiển xe ô tô BKS 36B-026.87 vượt không đúng quy định, không đảm bảo an toàn nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 15G1 - 470.45 do ông Nguyễn Ngọc B điều khiển đi cùng chiều dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng làm ông B chết ngay tại chỗ. Hành vi của Trịnh Văn D đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ: “Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt khác và đã tránh về bên phải”. Với hành vi nêu trên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Trịnh Văn D phạm tội “Vi phạm các quy định về tham gia giao thông đường bộ” tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

[4] Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, tính chất mức độ hành vi phạm tội và quyết định hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ thiệt hại; người đại diện hợp pháp bị hại và người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mặt khác sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã đến ngay cơ quan công an đầu thú khai báo toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Ngoài ra bị cáo có bác ruột là Liệt sỹ, gia đình bị cáo thờ cúng liệt sỹ có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Trịnh Văn D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được gia đình có đơn xin bảo lãnh có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật

nếu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Trần Văn L trình bày: Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông B 200.000.000 đồng. Gia đình ông B không yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung

Theo quy định tại khoản 5, Điều 260 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Tuy nhiên xét thấy, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ là lao động tự do công việc chủ yếu làm nông nghiệp, hai con còn nhỏ do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác

- Đối với xe ô tô BKS 36B – 026.87 do Trịnh Văn D điều khiển, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp anh Hoàng Huy L, sinh năm 1985 trú tại thôn 8, xã Thiệu Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh T. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15G1-470.45, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông B, sau khi thu thập các dấu vết để lại trên các phương tiện tham gia giao thông gây tai nạn. Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản trên cho chủ sở hữu và người đại diện hợp pháp sử dụng là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí

Bị cáo Trịnh Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử: Phạt bị cáo Trịnh Văn D 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Vi phạm các quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Giao bị cáo Trịnh Văn D về Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở Ln thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, bị cáo Trịnh Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại, Người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

L Thị Sự

